

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/ DS-ST

Ngày: 28/4/2020

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngũ Minh Luận;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M., sinh năm 1970; trú tại: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: khu phố L, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Hồng H., sinh năm 1963; trú tại: khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bò Văn A., sinh năm 1957; trú tại: khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/02/2016, bà Lâm Thị Hồng H. có vay của bà Lê Thị M. số tiền 670.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, không có thỏa thuận tiền lãi và mức

lãi suất, việc vay mượn có lập thành văn bản dưới hình thức hợp đồng vay tiền. Để làm tin thì bà H. có giao cho bà M. bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 012082 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An cấp cho bà Lâm Thị Hồng H. và ông Bồ Văn A. ngày 03/3/2011.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho và Mỹ, do đó bà M. khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 670.000.000 đồng nợ gốc và 254.600.000 đồng tiền lãi (tính từ 15/8/2016 đến ngày 15/10/2019 là 38 tháng, lãi suất 1%/tháng), tổng cộng 924.600.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, cụ thể là 190.950.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa, ngày 27/4/2020 nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 670.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng vay tiền (bản chính); chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo).

Bị đơn bà Lâm Thị Hồng H. và ông Bồ Văn A. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì khác. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

a) Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu thanh toán tiền nợ vay theo hợp đồng vay tiền đã được ký kết giữa hai bên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh

toán. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà H. và ông A. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

b) Về nội dung vụ án:

[4] Ngày 15/02/2016 bà Lâm Thị Hồng H. có vay của bà Lê Thị M. số tiền 670.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh buôn bán, thời hạn vay là 06 tháng, không có thỏa thuận tiền lãi và mức lãi suất, việc vay mượn có lập thành văn bản dưới hình thức hợp đồng vay tiền. Đây là hợp đồng song vụ nên quyền và nghĩa vụ của hai bên phát sinh sau khi ký kết hợp đồng. Thực hiện hợp đồng bị đơn đã nhận đủ tiền nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H. phải thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là phù hợp quy định pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 012082 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An cấp cho bà Lâm Thị Hồng H. và ông Bò Văn A. ngày 03/3/2011, việc cầm cố không có lập thành văn bản. Sau khi bà H. hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nói trên cho bà H. và ông A..

Quá trình chuẩn bị xét xử, phía nguyên đơn có đơn thay đổi, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc đã vay. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền lãi.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do giao dịch dân sự giữ các bên thực hiện vào ngày 15/02/2016 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bị đơn bà Lâm Thị Hồng H..

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 190.950.000 đồng.

3. Buộc bà Lâm Thị Hồng H. phải thanh toán cho bà Lê Thị M. số tiền nợ gốc là 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Sau khi bà Lâm Thị Hồng H. thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị M., bà M. có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02003/BC ngày 03/3/2011 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An cấp cho bà Lâm Thị Hồng H. và ông Bò Văn A..

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Hồng H. phải chịu 30.800.000 đồng (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị M. số tiền 19.869.000 đồng (mười chín triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036571 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thuận An;
- Chi cục THADS TP.Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiệu Văn Kết Em